TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Luẩn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Dư
2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C,, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X** - Sinh năm: 1973.
HKTT: Tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Hi, phường T, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T** - Sinh năm: 1966
Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện,quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày*: Bà và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân thị trấn B, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 02 ngày 14/01/1999. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông

Trần Văn T không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên uống rượu bia rồi gây sự chửi bới, đánh đập bà. Bà đã nhiều lần can ngăn, nhưng ông T không sửa đổi, ông bà đã sống ly thân 3 năm nay. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn T có 02 con chung là: Trần Văn S - Sinh năm 1994 và Trần Văn H - Sinh năm 1996. Hai con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu To à giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Thống nhất với bà Nguyễn Thị X về quá trình kết hôn giữa ông và bà Nguyễn Thị X. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Bà X có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Do vợ chồng mâu thuẫn nên không còn sống chung với nhau khoảng 2 năm nay. Nay bà X yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị X có 02 con chung là: Trần Văn S - Sinh năm 1994 và Trần Văn H - Sinh năm 1996. Hai con chung đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà X tự thỏa thuận, không yêu cầu To à giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị X đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Chứng minh nhân dân Nguyễn Thị X (bản sao); Giấy khai sinh Trần Văn S, Trần Văn H (bản sao); Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thị X (bản sao).

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X. Bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Văn T.

- Về con chung: Ông Traanf Văn T và bà Nguyễn Thị X có 02 con chung là: Trần Văn S - Sinh năm 1994 và Trần Văn H - Sinh năm 1996. Hai con chung đều đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị X, ông Traanf Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí Bà Nguyễn Thị X nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn T .

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết về ly hôn giữa bà và ông Trần Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn T tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn B, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 02 ngày 14/01/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên bà X và ông T không sống chung với nhau nữa. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Văn T là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn T có 02 con chung là: Trần Văn S - Sinh năm 1994 và Trần Văn H - Sinh năm 1996. Các con chung đều đã trưởng thành, bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3].Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X. Bà Nguyễn Thị X được ly hôn ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn T có 02 con chung là: Trần Văn S - Sinh năm 1994 và Trần Văn H - Sinh năm 1996. Các con chung đều đã trưởng thành Nguyễn Thị X và ông Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị X và ông ông Trần Văn T. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị X đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000181 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Nguyễn Thị X đã nộp đủ án phí

Bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C;
- CCTHCDS TP. C;
- UBND phường P.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Luẩn